TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST
Ngày: 25/9/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà H Bliăk Niê;

2. Bà Phan Thị Thiện.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-DS ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 08, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh L, sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 29/7/2020).

Địa chỉ: Thôn 04, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt)*.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 08, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Minh L trình bày:**

Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị P là chị em quen biết nhau nên nguyên đơn cho bị đơn vay tổng cộng 170.000.000 đồng thành 03 lần cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 08/02/2015 bà P vay 80.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 12/02/2015 bà P vay tiếp 62.000.000 đồng.

Cả hai lần vay có thỏa thuận lãi suất bằng miệng nhưng không nhớ rõ lãi suất là bao nhiêu, thời hạn trả nợ có thỏa thuận miệng với nhau là 01 năm.

Lần 3: Ngày 11/11/2015 bà P muốn vay thêm số tiền 28.000.000 đồng nên hai bên thỏa thuận để bà T đến đại lý cà phê X tại thôn 08, xã H ứng 02 tạ tiêu với giá 14.000.000 đồng/tạ, thành tiền 28.000.000 đồng. Bà T viết giấy nhận nợ với X sau đó bà P viết giấy đề ngày 11/11/2015 để nhận nợ với bà T, hẹn thu hoạch tiêu xong bà P sẽ trả 02 tạ tiêu cho bà T nhưng đến nay chưa trả. Các lần vay nguyên đơn không giữ tài sản, giấy tờ gì của bị đơn để làm tin, không có người làm chứng.

Quá trình yêu cầu giải quyết vụ việc tại Công an huyện C bà P đã trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng tiền gốc. Các giấy nộp tiền vào tài khoản mà bị đơn cung cấp tại phiên tòa là tiền lãi bị đơn trả cho nguyên đơn tổng cộng 22.000.000 đồng, ngoài ra chưa trả thêm được khoản nào. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 120.000.000 đồng, để tạo điều kiện cho bị đơn nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:**

Bị đơn chỉ vay của nguyên đơn tổng số tiền gốc 142.000.000 đồng vào ngày 08/02/2015 và 12/02/2015 như nguyên đơn trình bày là đúng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn trả nợ gốc thỏa thuận miệng là 01 năm, còn lãi suất trả từng đợt. Bị đơn không nhớ rõ số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn nhưng trong đó có các lần bị đơn chuyển tiền vào tài khoản của nguyên đơn với tổng cộng 22.000.000 đồng tiền lãi. Mục đích vay tiền là vay giúp cho người khác.

Đến ngày 11/11/2015 nguyên đơn tính tiền lãi tổng cộng là 28.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn viết giấy nợ 02 tạ tiêu với giá 28.000.000 đồng, hẹn thu hoạch tiêu xong sẽ trả nhưng sau đó vì tiêu mất mùa mất giá nên bà không có tiêu để trả. Số tiền 28.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 142.000.000 đồng bà P nhận nợ chứ thực tế không cầm tiền, bà cũng không biết giao dịch ứng tiêu giữa nguyên đơn với X như thế nào. Trong giấy nợ bà P ghi rõ là "P nhờ bác ứng tiền để trả lãi cho bác T". Ngoài hai khoản vay ngày 08/02/2015 và ngày 12/02/2015 thì bị đơn không nợ khoản vay nào của nguyên đơn. Khi vay các bên thỏa thuận miệng là 01 năm sẽ trả nhưng quá thời hạn nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không có tiền để trả, khi nguyên đơn đưa vụ việc ra Công an huyện C thì bị đơn có trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng tiền gốc. Trong giấy vay không ghi thời hạn trả, nay nguyên đơn khởi kiện để giải quyết vụ việc thì bị đơn đồng ý. Tuy nhiên đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu trả là 120.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý, chỉ chấp nhận trả 92.000.000 đồng tiền gốc, còn tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn không có ý kiến gì và các khoản tiền lãi bị đơn trả cho nguyên đơn bị đơn không có yêu cầu gì. Bị đơn không thuộc đối tượng nghèo hay cận nghèo, không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/9/2020 người làm chứng ông Ngụy Công T trình bày có nội dung:**

Ông là chủ đại lý cà phê X, đối với việc vay và ứng tiền tiêu ngày 11/11/2015 giữa bà Nguyễn Thị P và bà Hoàng Thị T thì không liên quan gì đến đại lý của ông, ông không biết việc vay mượn này và không có tranh chấp gì.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:**

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đướng sự đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào các ngày 08/02/2015 và 12/02/2015 bà P có vay của bà T tổng số tiền là 142.000.000 đồng. Việc các bên thỏa thuận vay tiền là không trái với quy định của pháp luật do đó buộc các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Việc bà P xác định đã trả được cho bà T được số tiền là 50.000.000 đồng đã được bà T xác nhận, do đó cần xem xét khấu trừ số tiền nêu trên trong tổng số tiền bà P vay của bà T. Ngoài ra, bà P trình bày có chuyển khoản vào tài khoản cho bà T số tiền là 10.000.000 đồng và đến nhà bà T trả số tiền là 10.000.000 đồng nhưng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ hay tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình; mặt khác bà T không thừa nhận nội dung này do đó không có căn cứ để xem xét đối với việc bà P trình bày đã trả thêm cho bà P với tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

Đối với nội dung thỏa thuận theo giấy viết tay đề ngày 11/11/2015 về việc bà P nhờ bà T ứng đại lý X 02 tạ tiêu với giá là 28.000.000 đồng, không đủ căn cứ để xác định số tiền này là nguyên đơn cho bị đơn vay. Tuy nhiên, bà P xác định số tiền 28.000.000 là số tiền lãi của khoản vay 142.000.000 đồng, hẹn đến cuối mùa tiêu sẽ trả, nhưng sau đó bà P vẫn nợ lại bà T và đến nay vẫn chưa thanh toán được cho bà T; quá trình giải quyết vụ án bà P không có yêu cầu phản tố, không tranh chấp về lãi suất vay của khoản vay 142.000.000 đồng hay yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền lãi nêu trên. Vì vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà P phải trả số tiền 28.000.000 đồng là có căn cứ, cần xem xét chấp nhận. Tại phiên tòa bị đơn cung cấp 03 giấy chuyển tiền vào tài khoản cho nguyên đơn với số tiền tổng cộng là 22.000.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn đều xác định là khoản tiền mà bị đơn trả

tiền lãi cho nguyên đơn nên khấu trừ trong số tiền lãi 28.000.000 đồng mà bị đơn nợ của nguyên đơn. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền là 98.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 92.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo giấy vay tiền ghi ngày 08/02/2015; 12/02/2015 và giấy ghi ngày 11/11/2015 do nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và lời khai của các đương sự có nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc tổng cộng là 170.000.000 đồng, gồm các khoản vay 80.000.000 đồng; 62.000.000 đồng và 28.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 01 năm, các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn không trả nợ đúng cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú tại thôn 08, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, các đương sự không có yêu cầu gì về thời hiệu nên xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã thông báo cho các đương sự tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn, bị đơn có mặt thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bị đơn cung cấp 03 giấy nộp tiền vào tài khoản của nguyên đơn (phô tô) và người đại diện của nguyên đơn xác định đó là khoản tiền mà bị đơn đã trả tiền lãi cho nguyên đơn 22.000.000 đồng, đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX buộc bị đơn trả số tiền gốc 120.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 92.000.000 đồng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo giấy ghi nội dung mượn tiền mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn và lời khai của các đương sự xác định vào các ngày 08/02/2015 và ngày 12/02/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền tổng cộng 142.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng nhưng nguyên đơn không nhớ rõ bao nhiêu, còn bị đơn xác định lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn trả nợ 01 năm, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận sự việc này. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn cho rằng đã thanh toán cho nguyên

đơn tổng cộng 50.000.000 đồng tiền gốc, nguyên đơn thừa nhận nên cần chấp nhận. Số tiền gốc còn lại bị đơn chưa thanh toán là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ vào các điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, HĐXX xét thấy việc vay tiền giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị T tổng số tiền gốc đã vay là 92.000.000 đồng. Đối với lãi suất không yêu cầu nên không xem xét.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 28.000.000 đồng theo giấy ghi ngày 11/11/2015 HĐXX xét thấy đây là khoản tiền ứng 02 tạ tiêu với giá 14.000.000 đồng/tạ nhằm mục đích để trả tiền lãi cho nguyên đơn vì trong tài liệu, chứng cứ bị đơn có ghi rõ*"P nhờ Bác ứng tiền để trả tiền lãi cho Bác T"*, nguyên đơn lưu giữ tài liệu này nhưng không có ý kiến phản hồi gì, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khoản vay 142 triệu đồng có thỏa thuận lãi suất bằng miệng; ông Ngụy Công T là chủ đại lý cà phê X không biết về nội dung vay mượn tiền giữa các đương sự. Do đó xác định lời trình bày của bị đơn đối với khoản tiền này là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu trả khoản tiền gốc này của nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp về tiền lãi suất và không yêu cầu Tòa án xác định, tính toán lại tiền lãi đã trả nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết xác định tiền án phí mà đương sự phải nộp như sau:

[4.1 Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải trả số tiền cho nguyên đơn là: 92.000.000 đồng x 5% = 4.600.000 đồng.

[4.2] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 28.000.000 đồng không được chấp nhận là 28.000.000 đồng x 5% = 1.400.000 đồng, nhưng nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí này và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0010956 ngày 03/8/2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc theo "giấy vay tiền" ghi ngày 08/02/2015 và ngày 12/02/2015. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền nợ 92.000.000 đồng *(Chín mươi hai triệu đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 28.000.000 đồng theo giấy ghi "ngày 11/11/2015"

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về tiền án phí: Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 4.600.000 đồng *(Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị T.

- Về tiền tạm ứng án phí: Bà Hoàng Thị T được nhận lại 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* đã nộp tạm ứng án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0010956 ngày 03/8/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Công Cường